

7777(2)

CHÍNH PHỦ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 42/2014/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2014

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: C.....
	Ngày: 14/5.....

NGHỊ ĐỊNH
Về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Cảnh tranh ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,

Chính phủ ban hành Nghị định về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về hoạt động bán hàng đa cấp và quản lý hoạt động bán hàng đa cấp trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với doanh nghiệp bán hàng đa cấp, người tham gia bán hàng đa cấp và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động bán hàng đa cấp.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp là doanh nghiệp có tiến hành hoạt động kinh doanh bán lẻ theo phương thức đa cấp.

2. Kinh doanh theo phương thức đa cấp là hình thức kinh doanh thông qua mạng lưới người tham gia gồm nhiều cấp, nhiều nhánh khác nhau, trong đó, người tham gia được hưởng hoa hồng, tiền thưởng và các lợi ích kinh tế khác từ hoạt động kinh doanh của mình và của mạng lưới do mình xây dựng.

3. Người tham gia bán hàng đa cấp là người giao kết hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp với doanh nghiệp bán hàng đa cấp.

4. Hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp là thỏa thuận xác lập mối quan hệ giữa người muốn tham gia bán hàng đa cấp và doanh nghiệp bán hàng đa cấp trong hoạt động bán hàng đa cấp.

5. Hoa hồng, tiền thưởng và các lợi ích kinh tế khác là lợi ích mà doanh nghiệp bán hàng đa cấp trả cho người tham gia bán hàng đa cấp dưới bất kỳ hình thức nào.

6. Quy tắc hoạt động là bộ quy tắc được doanh nghiệp bán hàng đa cấp xây dựng và áp dụng để điều chỉnh hành vi, quyền và nghĩa vụ của người tham gia bán hàng đa cấp.

7. Chương trình trả thưởng là hệ thống được sử dụng để tính toán hoa hồng, tiền thưởng và các lợi ích kinh tế khác mà người tham gia bán hàng đa cấp được hưởng chủ yếu từ thu nhập của hoạt động bán hàng.

8. Chương trình đào tạo cơ bản là chương trình được doanh nghiệp bán hàng đa cấp xây dựng để đào tạo người tham gia bán hàng đa cấp, bao gồm các nội dung sau:

- a) Pháp luật liên quan đến hoạt động bán hàng đa cấp của doanh nghiệp;
- b) Thông tin về hàng hóa được kinh doanh theo phương thức đa cấp;
- c) Thông tin về doanh nghiệp, Quy tắc hoạt động và Chương trình trả thưởng của doanh nghiệp bán hàng đa cấp;
- d) Các kỹ năng cơ bản để thực hiện hoạt động bán hàng đa cấp.

9. Vị trí kinh doanh đa cấp là vị trí của người tham gia bán hàng đa cấp được doanh nghiệp bán hàng đa cấp sắp xếp trong chương trình trả thưởng.

10. Kinh doanh theo mô hình kim tự tháp là việc tiến hành hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp, trong đó thu nhập của người tham gia xuất phát chủ yếu từ: việc tuyển dụng người tham gia mới; việc gia hạn hợp đồng của người đã tham gia; phí, tiền đặt cọc hoặc khoản đầu tư của người tham gia trong mạng lưới.

Điều 4. Đối tượng kinh doanh theo phương thức đa cấp

1. Hàng hóa kinh doanh theo phương thức đa cấp phải đáp ứng các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Những hàng hóa sau không được kinh doanh theo phương thức đa cấp:

- a) Hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa cấm kinh doanh, Danh mục hàng hóa hạn chế kinh doanh, hàng hóa đang bị áp dụng biện pháp khẩn cấp buộc phải thu hồi, cấm lưu thông hoặc tạm ngừng lưu thông theo quy định của pháp luật;

b) Hàng hóa là thuốc; trang thiết bị y tế; các loại thuốc thú y (bao gồm cả thuốc thú y thủy sản), thuốc bảo vệ thực vật; hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế; các loại hoá chất nguy hiểm và sản phẩm có hoá chất nguy hiểm theo quy định của pháp luật.

3. Mọi loại hình dịch vụ hoặc các loại hình kinh doanh khác không phải là mua bán hàng hóa, không được tiến hành kinh doanh theo phương thức đa cấp, trừ trường hợp pháp luật cho phép.

Điều 5. Những hành vi bị cấm trong hoạt động bán hàng đa cấp

1. Cấm doanh nghiệp bán hàng đa cấp thực hiện những hành vi sau đây:

a) Yêu cầu người muốn tham gia bán hàng đa cấp phải đặt cọc hoặc đóng một khoản tiền nhất định dưới bất kỳ hình thức nào để được quyền tham gia mạng lưới bán hàng đa cấp;

b) Yêu cầu người muốn tham gia bán hàng đa cấp phải mua một số lượng hàng hoá dưới bất kỳ hình thức nào để được quyền tham gia mạng lưới bán hàng đa cấp;

c) Yêu cầu người tham gia bán hàng đa cấp phải trả thêm một khoản tiền dưới bất kỳ hình thức nào để được quyền duy trì, phát triển hoặc mở rộng mạng lưới bán hàng đa cấp của mình;

d) Hạn chế một cách bất hợp lý quyền phát triển mạng lưới của người tham gia bán hàng đa cấp dưới bất kỳ hình thức nào;

đ) Cho người tham gia bán hàng đa cấp nhận tiền hoa hồng, tiền thưởng, lợi ích kinh tế khác từ việc dụ dỗ người khác tham gia bán hàng đa cấp;

e) Từ chối chi trả không có lý do chính đáng các khoản hoa hồng, tiền thưởng hay các lợi ích kinh tế khác mà người tham gia bán hàng đa cấp có quyền hưởng;

g) Yêu cầu người tham gia bán hàng đa cấp phải tuyển dụng mới hoặc gia hạn hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp với một số lượng nhất định người tham gia bán hàng đa cấp để được quyền hưởng hoa hồng, tiền thưởng hoặc các lợi ích kinh tế khác;

h) Yêu cầu người tham gia hội nghị, hội thảo, khoá đào tạo về một trong các nội dung quy định tại Khoản 8 Điều 3 Nghị định này phải trả tiền hoặc phí dưới bất kỳ hình thức nào, trừ chi phí hợp lý để mua tài liệu đào tạo;

i) Ép buộc người tham gia bán hàng đa cấp phải tham gia các hội nghị, hội thảo, khoá đào tạo về các nội dung không được quy định tại Khoản 8 Điều 3 Nghị định này;

k) Yêu cầu người tham gia hội nghị, hội thảo, khoá đào tạo về các nội dung không được quy định tại Khoản 8 Điều 3 Nghị định này phải trả tiền hoặc phí cao hơn mức chi phí hợp lý để thực hiện hoạt động đó;

l) Thu phí cấp, đổi thẻ thành viên theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 21 Nghị định này dưới bất kỳ hình thức nào;

m) Không cam kết cho người tham gia bán hàng đa cấp trả lại hàng hoá và nhận lại khoản tiền đã chuyển cho doanh nghiệp theo quy định tại Điều 26 Nghị định này;

n) Cản trở người tham gia bán hàng đa cấp trả lại hàng hoá theo quy định tại Điều 26 Nghị định này;

o) Cung cấp thông tin sai lệch hoặc gây nhầm lẫn về lợi ích của việc tham gia mạng lưới bán hàng đa cấp, về tính chất, công dụng của hàng hóa, về hoạt động của doanh nghiệp bán hàng đa cấp để dụ dỗ người khác tham gia bán hàng đa cấp;

p) Duy trì nhiều hơn một vị trí kinh doanh đa cấp, hợp đồng bán hàng đa cấp, mã số kinh doanh đa cấp hoặc các hình thức khác tương đương đối với cùng một người tham gia bán hàng đa cấp;

q) Kinh doanh theo mô hình kim tự tháp;

r) Mua bán hoặc chuyển giao mạng lưới người tham gia bán hàng đa cấp cho doanh nghiệp khác trừ trường hợp mua lại, hợp nhất hoặc sáp nhập doanh nghiệp;

s) Yêu cầu, xúi giục người tham gia bán hàng đa cấp thực hiện hành vi bị cấm được quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Cấm người tham gia bán hàng đa cấp thực hiện những hành vi sau đây:

a) Yêu cầu người muốn tham gia bán hàng đa cấp phải trả một khoản tiền nhất định, nộp tiền đặt cọc hoặc phải mua một lượng hàng hóa nhất định dưới bất kỳ hình thức nào để được quyền tham gia mạng lưới bán hàng đa cấp;

b) Cung cấp thông tin sai lệch hoặc gây nhầm lẫn về lợi ích của việc tham gia bán hàng đa cấp, tính chất, công dụng của hàng hoá, hoạt động của doanh nghiệp bán hàng đa cấp để dụ dỗ người khác tham gia bán hàng đa cấp;

c) Tổ chức các buổi hội thảo, hội nghị khách hàng, hội thảo giới thiệu sản phẩm, đào tạo mà không được doanh nghiệp bán hàng đa cấp ủy quyền bằng văn bản;

d) Lôi kéo, dụ dỗ, mua chuộc người tham gia bán hàng đa cấp của doanh nghiệp khác tham gia vào mạng lưới của doanh nghiệp mà mình đang tham gia;

đ) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, địa vị xã hội để yêu cầu người khác tham gia vào mạng lưới bán hàng đa cấp hoặc mua hàng hóa kinh doanh theo phương thức đa cấp.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ, TẠM NGỪNG, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG ĐA CẤP

Điều 6. Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp

Hoạt động bán hàng đa cấp phải được đăng ký theo quy định của Nghị định này.

Điều 7. Điều kiện đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp

Tổ chức đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Là doanh nghiệp được thành lập tại Việt Nam theo quy định của pháp luật, có đăng ký kinh doanh ngành bán lẻ theo phương thức đa cấp.

2. Có vốn pháp định theo quy định tại Điều 8 Nghị định này.

3. Hàng hóa kinh doanh theo phương thức đa cấp phù hợp với nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư.

4. Có đủ điều kiện kinh doanh hoặc được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật trong trường hợp kinh doanh hàng hóa kinh doanh có điều kiện.

5. Ký quỹ tại một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam theo quy định tại Điều 29 Nghị định này.

6. Có Quy tắc hoạt động, Chương trình trả thưởng, Chương trình đào tạo cơ bản không trái quy định của pháp luật.

7. Thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh, chủ sở hữu doanh nghiệp tư nhân, thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, cổ đông sáng lập đối với công ty cổ phần, người đại diện theo pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần phải là những cá nhân chưa từng giữ một trong các chức vụ nêu trên tại doanh nghiệp bán hàng đa cấp đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản 1 Điều 14 Nghị định này.

Điều 8. Vốn pháp định

Vốn pháp định của doanh nghiệp đăng ký kinh doanh ngành bán lẻ theo phương thức đa cấp là 10 tỷ đồng.

Điều 9. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp

1. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp có hiệu lực trong vòng 5 năm kể từ ngày ký.

2. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp được lập thành 2 bản chính, 1 bản giao cho doanh nghiệp đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp và 1 bản lưu tại cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp.

3. Bộ Công Thương quy định mẫu Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp, hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp.

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp

1. Trong trường hợp có những thay đổi liên quan tới nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp, doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm thực hiện thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp.

2. Bộ Công Thương quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp.

Điều 11. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp

1. Trong trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp bị mất, bị rách hoặc bị tiêu hủy, doanh nghiệp bán hàng đa cấp phải thực hiện thủ tục đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp ngay sau khi phát sinh sự kiện.

2. Bộ Công Thương quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp.

Điều 12. Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp

1. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp được gia hạn nhiều lần, mỗi lần có thời hạn 5 năm.

2. Trước khi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp hết hiệu lực 3 tháng, doanh nghiệp bán hàng đa cấp phải thực hiện thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp.

3. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp được gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp trong trường hợp đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 7 Nghị định này.

4. Bộ Công Thương quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp.

Điều 13. Phí, lệ phí quản lý hoạt động bán hàng đa cấp

1. Phí, lệ phí quản lý hoạt động bán hàng đa cấp bao gồm các khoản phí, lệ phí cấp, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp.

2. Mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý hoạt động bán hàng đa cấp được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp

1. Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp trong những trường hợp sau đây:

a) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư bị thu hồi hoặc hết hiệu lực;

b) Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp có thông tin gian dối;

c) Doanh nghiệp bị xử phạt về một số hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định này trong quá trình tổ chức hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật;

d) Doanh nghiệp không triển khai hoạt động bán hàng đa cấp trong thời hạn 12 tháng liên tục kể từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp;

đ) Doanh nghiệp không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 7 Nghị định này trong quá trình hoạt động bán hàng đa cấp;

e) Doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động bán hàng đa cấp quá 12 tháng liên tục;

g) Doanh nghiệp giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp không xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp cho doanh nghiệp trong thời hạn 3 năm kể từ ngày doanh nghiệp đó bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản 1 Điều này.

3. Bộ Công Thương quy định trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp.

Điều 15. Tạm ngừng hoạt động bán hàng đa cấp

1. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp được phép tạm ngừng hoạt động bán hàng đa cấp trong thời hạn không quá 12 tháng liên tục.

2. Khi tạm ngừng hoạt động bán hàng đa cấp, doanh nghiệp bán hàng đa cấp có nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân thủ các quy định về tạm ngừng hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;

b) Thông báo bằng văn bản tới Bộ Công Thương, Sở Công Thương nơi doanh nghiệp có hoạt động bán hàng đa cấp, người tham gia bán hàng đa cấp và niêm yết công khai tại trụ sở chính trong thời hạn 30 ngày làm việc trước khi tạm ngừng hoạt động bán hàng đa cấp;

c) Đảm bảo các quyền lợi của người tham gia bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật.

3. Khi tiếp tục hoạt động bán hàng đa cấp sau thời gian tạm ngừng, doanh nghiệp có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản tới Bộ Công Thương, Sở Công Thương nơi doanh nghiệp có hoạt động bán hàng đa cấp.

4. Bộ Công Thương quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục đối với việc thông báo tạm ngừng hoạt động bán hàng đa cấp và thông báo tiếp tục hoạt động bán hàng đa cấp sau thời gian tạm ngừng.

Điều 16. Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp

1. Các trường hợp chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp:

a) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp hết hiệu lực;

b) Doanh nghiệp tự nguyện chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp;

c) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp bị cơ quan có thẩm quyền thu hồi theo quy định tại Điều 14 Nghị định này.

2. Khi chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp, doanh nghiệp bán hàng đa cấp có nghĩa vụ sau đây:

a) Thông báo bằng văn bản tới Bộ Công Thương, Sở Công Thương nơi doanh nghiệp có hoạt động bán hàng đa cấp, người tham gia bán hàng đa cấp và niêm yết công khai tại trụ sở chính;

b) Đảm bảo các quyền lợi của người tham gia bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp;

c) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Bộ Công Thương quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục liên quan đến việc chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp.

Điều 17. Thông báo hoạt động bán hàng đa cấp

1. Trước khi tổ chức hoạt động bán hàng đa cấp tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, doanh nghiệp bán hàng đa cấp phải gửi hồ sơ thông báo đến Sở Công Thương tại địa phương đó.

2. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp chỉ được phép tổ chức hoạt động bán hàng đa cấp tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương sau khi có xác nhận bằng văn bản của Sở Công Thương tại địa phương đó về việc tiếp nhận hồ sơ thông báo.

3. Bộ Công Thương quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục thông báo và xác nhận thông báo hoạt động bán hàng đa cấp.

Điều 18. Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo

1. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp phải thông báo đến Sở Công Thương nơi tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo nếu các hoạt động đó có một trong các nội dung sau:

a) Pháp luật liên quan đến hoạt động bán hàng đa cấp của doanh nghiệp;

b) Thông tin về hàng hóa được kinh doanh theo phương thức đa cấp;

c) Thông tin về doanh nghiệp, Quy tắc hoạt động và Chương trình trả thưởng của doanh nghiệp bán hàng đa cấp;

d) Các kỹ năng để thực hiện hoạt động bán hàng đa cấp.

2. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp chỉ được phép tổ chức các hoạt động tại Khoản 1 Điều này sau khi có xác nhận bằng văn bản của Sở Công Thương tại địa phương đó về việc tiếp nhận hồ sơ thông báo đầy đủ, hợp lệ.

3. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp có nghĩa vụ thực hiện thông báo về việc tổ chức các hoạt động hội nghị, hội thảo, đào tạo theo quy định tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp ủy quyền thực hiện các hoạt động đó.

4. Quy định tại Khoản 1 Điều này không áp dụng đối với trường hợp doanh nghiệp bán hàng đa cấp tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp.

5. Bộ Công Thương quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục thông báo và xác nhận thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo.

Chương III **TUYÊN DỤNG, ĐÀO TẠO VÀ QUẢN LÝ** **NGƯỜI THAM GIA BÁN HÀNG ĐA CẤP**

Điều 19. Điều kiện đối với người tham gia bán hàng đa cấp

Người tham gia bán hàng đa cấp là cá nhân có năng lực hành vi dân sự đầy đủ. Những trường hợp sau không được tham gia bán hàng đa cấp:

1. Người đang chấp hành hình phạt tù hoặc có tiền án về các tội sản xuất, buôn bán hàng giả, quảng cáo gian dối, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng, các tội về lừa đảo chiếm đoạt tài sản, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, chiếm giữ trái phép tài sản.

2. Người nước ngoài không có Giấy phép lao động tại Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền cấp.

Điều 20. Đào tạo người tham gia bán hàng đa cấp

1. Sau khi ký hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp, doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm đào tạo và cấp chứng chỉ theo mẫu của Bộ Công Thương cho người tham gia bán hàng đa cấp sau khi hoàn thành Chương trình đào tạo cơ bản được quy định tại Khoản 8 Điều 3 Nghị định này. Chỉ những người được cấp Chứng chỉ Đào tạo viên theo mẫu của Bộ Công Thương mới được thực hiện đào tạo người tham gia bán hàng đa cấp.

2. Khi có thay đổi liên quan tới các nội dung quy định tại Khoản 8 Điều 3 Nghị định này, doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm đào tạo hoặc thông báo cho người tham gia bán hàng đa cấp về các thay đổi đó theo quy định của Bộ Công Thương.

3. Bộ Công Thương quy định nội dung đào tạo cho Đào tạo viên quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 21. Thẻ thành viên

1. Sau khi tổ chức đào tạo theo quy định tại Khoản 1 Điều 20 Nghị định này, doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm cấp Thẻ thành viên theo mẫu của Bộ Công Thương cho người tham gia bán hàng đa cấp đã được đào tạo.

2. Người tham gia bán hàng đa cấp chỉ được thực hiện hoạt động bán hàng đa cấp sau khi được cấp Thẻ thành viên.

3. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp thực hiện đổi thẻ, cấp thẻ mới cho người tham gia bán hàng đa cấp trong các trường hợp sau:

- a) Thẻ bị rách, nát hoặc bị mất;
- b) Có sự thay đổi thông tin theo quy định tại mẫu Thẻ thành viên.

4. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm thu hồi Thẻ thành viên khi chấm dứt hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp.

Chương IV HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG ĐA CẤP

Điều 22. Trách nhiệm của doanh nghiệp bán hàng đa cấp

1. Công bố công khai tại trụ sở và cung cấp cho người có dự định tham gia mạng lưới bán hàng đa cấp của doanh nghiệp các tài liệu liên quan tới hoạt động và hàng hóa kinh doanh theo phương thức đa cấp của doanh nghiệp.

2. Thường xuyên giám sát hoạt động của người tham gia bán hàng đa cấp để bảo đảm người tham gia bán hàng đa cấp thực hiện đúng Quy tắc hoạt động, Chương trình trả thưởng của doanh nghiệp.

3. Chịu trách nhiệm đối với hoạt động bán hàng đa cấp của người tham gia bán hàng đa cấp trong những trường hợp sau:

a) Được thực hiện tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp;

b) Được thực hiện bên ngoài trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp hoạt động đó không liên quan đến doanh nghiệp.

4. Bảo đảm tính trung thực và độ chính xác của các thông tin cung cấp cho người tham gia bán hàng đa cấp.

5. Bảo đảm chất lượng và các dịch vụ bảo hành, hậu mãi (nếu có) cho hàng hóa được bán theo phương thức đa cấp.

6. Giải quyết các khiếu nại của người tham gia bán hàng đa cấp và người tiêu dùng.

7. Khấu trừ tiền thuế thu nhập cá nhân của người tham gia bán hàng đa cấp để nộp vào ngân sách nhà nước trước khi chi trả hoa hồng, tiền thưởng hoặc lợi ích kinh tế khác cho người tham gia bán hàng đa cấp.

8. Quản lý người tham gia bán hàng đa cấp qua hệ thống Thẻ thành viên theo quy định tại Điều 21 Nghị định này.

9. Thông báo cho người tham gia bán hàng đa cấp những hàng hoá thuộc diện không được doanh nghiệp mua lại trước khi người đó tiến hành mua hàng.

10. Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Trách nhiệm của người tham gia bán hàng đa cấp

1. Xuất trình Thẻ thành viên trước khi giới thiệu hàng hoá hoặc tiếp thị bán hàng.

2. Cung cấp đầy đủ những thông tin về doanh nghiệp và hàng hoá kinh doanh theo phương thức đa cấp của doanh nghiệp khi bảo trợ một người khác tham gia vào mạng lưới bán hàng đa cấp.

3. Thông tin trung thực, chính xác về hàng hoá được chào bán.

4. Tuân thủ quy định trong Quy tắc hoạt động, Chương trình trả thưởng của doanh nghiệp.

5. Trường hợp không tuân thủ các quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định này và Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều này và gây thiệt hại cho người tiêu dùng hoặc người tham gia bán hàng đa cấp khác, người tham gia bán hàng đa cấp có trách nhiệm bồi thường thiệt hại đã gây ra theo quy định của pháp luật.

6. Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp

1. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp phải ký kết hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp bằng văn bản với người tham gia bán hàng đa cấp.

2. Hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp phải bao gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Tên doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp bán hàng đa cấp;

b) Họ và tên, hộ khẩu thường trú (hoặc đăng ký lưu trú đối với người nước ngoài), nơi đăng ký tạm trú, số chứng minh nhân dân (hoặc số hộ chiếu đối với người nước ngoài) của người tham gia bán hàng đa cấp; số giấy phép lao động trong trường hợp người tham gia bán hàng đa cấp là người nước ngoài;

c) Tên, công dụng, cách thức sử dụng, giá bán, các điều kiện và phạm vi bảo hành (nếu có), chính sách đổi, mua lại hàng hóa;

d) Cách thức tính tiền hoa hồng, tiền thưởng hoặc lợi ích kinh tế khác mà người tham gia bán hàng nhận được từ hoạt động kinh doanh của mình và của mạng lưới do mình xây dựng;

đ) Trách nhiệm của doanh nghiệp bán hàng đa cấp đối với hoạt động bán hàng đa cấp của người tham gia bán hàng đa cấp trong việc bồi thường thiệt hại cho người tiêu dùng hoặc người tham gia bán hàng đa cấp;

e) Các trường hợp chấm dứt, gia hạn và thanh lý hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp;

g) Cơ chế giải quyết tranh chấp hợp đồng.

Điều 25. Chấm dứt hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp

1. Người tham gia bán hàng đa cấp có quyền chấm dứt hợp đồng tham gia bằng việc gửi thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp bán hàng đa cấp trước khi chấm dứt hợp đồng tối thiểu là 10 ngày làm việc.

2. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp có quyền chấm dứt hợp đồng với người tham gia bán hàng đa cấp khi người tham gia bán hàng đa cấp không tuân thủ các quy định tại Khoản 2 Điều 5 và Điều 23 Nghị định này và phải thông báo cho người tham gia bán hàng đa cấp bằng văn bản trước khi chấm dứt hợp đồng tối thiểu là 10 ngày làm việc.

3. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày chấm dứt hợp đồng, doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm thanh toán cho người tham gia bán hàng đa cấp tiền hoa hồng, tiền thưởng và các lợi ích kinh tế khác mà người tham gia bán hàng đa cấp có quyền nhận trong quá trình tham gia vào mạng lưới bán hàng đa cấp.

Điều 26. Mua lại hàng hoá từ người tham gia bán hàng đa cấp

1. Khi người tham gia bán hàng đa cấp có yêu cầu, doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm mua lại hàng hóa đã bán cho người tham gia bán hàng đa cấp đó, bao gồm cả hàng hóa được bán theo chương trình khuyến mại.

2. Điều kiện mua lại hàng hóa từ người tham gia bán hàng đa cấp:

a) Hàng hoá còn hạn sử dụng;

b) Hàng hoá còn nguyên bao bì, tem, nhãn;

c) Yêu cầu mua lại được thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày người tham gia bán hàng đa cấp nhận hàng.

3. Trong trường hợp phải mua lại hàng hoá theo quy định tại Khoản 1 Điều này, doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm:

a) Hoàn lại tổng số tiền mà người tham gia bán hàng đa cấp đã trả để nhận được hàng hoá đó nếu không có căn cứ để khấu trừ theo quy định tại Điểm b Khoản này;

b) Hoàn lại tổng số tiền sau khi đã trừ đi các chi phí quản lý, tái lưu kho và chi phí hành chính khác nhưng không thấp hơn 90% khoản tiền mà người tham gia bán hàng đa cấp đã trả để nhận được hàng hóa đó.

4. Khi hoàn lại tiền theo quy định tại Khoản 3 Điều này, doanh nghiệp bán hàng đa cấp có thể khấu trừ tiền hoa hồng, tiền thưởng và các lợi ích kinh tế khác mà người tham gia bán hàng đa cấp đã nhận từ việc mua hàng hoá đó.

5. Sau khi hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp chấm dứt, doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm mua lại hàng hóa đã bán cho người tham gia bán hàng đa cấp theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 Điều này.

Điều 27. Quy định về trả hoa hồng, tiền thưởng và các lợi ích kinh tế khác

1. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp phải trả hoa hồng, tiền thưởng và các lợi ích kinh tế khác cho người tham gia bán hàng đa cấp theo Chương trình trả thưởng đã được đăng ký với cơ quan có thẩm quyền khi đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp.

2. Tổng trị giá hoa hồng, tiền thưởng và các lợi ích kinh tế khác trả cho người tham gia bán hàng đa cấp trong một năm quy đổi thành tiền không được vượt quá 40% doanh thu bán hàng đa cấp trong năm đó của doanh nghiệp bán hàng đa cấp.

Điều 28. Báo cáo của doanh nghiệp bán hàng đa cấp

1. Định kỳ 6 tháng, doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm báo cáo với Bộ Công Thương, Sở Công Thương nơi doanh nghiệp có hoạt động bán hàng đa cấp về hoạt động bán hàng đa cấp của doanh nghiệp.
2. Trong trường hợp cần thiết, doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
3. Bộ Công Thương quy định nội dung, trình tự, thủ tục báo cáo định kỳ theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

Chương V KÝ QUỸ

Điều 29. Tiền ký quỹ

1. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp phải ký quỹ một khoản tiền tương đương 5% vốn điều lệ nhưng không thấp hơn 5 tỷ đồng (năm tỷ đồng) tại một ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Ngân hàng nơi doanh nghiệp ký quỹ xác nhận bằng văn bản việc ký quỹ của doanh nghiệp bán hàng đa cấp.
2. Khoản tiền ký quỹ là khoản tiền đảm bảo việc thực hiện các nghĩa vụ của doanh nghiệp bán hàng đa cấp đối với người tham gia bán hàng đa cấp khi doanh nghiệp bán hàng đa cấp chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại Khoản 1 Điều 16 Nghị định này.
3. Tài khoản tiền ký quỹ được ngân hàng phong tỏa trong suốt thời gian hoạt động của doanh nghiệp và chỉ được rút, sử dụng khi có văn bản đồng ý của Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 30 Nghị định này.
4. Trường hợp ngân hàng nơi doanh nghiệp ký quỹ cho rút hoặc sử dụng khoản tiền ký quỹ của doanh nghiệp khi chưa có văn bản đồng ý của Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp thì bị xử lý theo quy định của pháp luật về hoạt động ngân hàng và các tổ chức tín dụng.
5. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp được hưởng lãi suất trên khoản tiền ký quỹ theo thỏa thuận với ngân hàng.
6. Trong trường hợp có sự thay đổi liên quan tới các nội dung cơ bản của văn bản xác nhận ký quỹ, doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm tiến hành thay đổi văn bản xác nhận ký quỹ và thông báo cho Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp.

7. Bộ Công Thương quy định các nội dung cơ bản trong văn bản xác nhận ký quỹ.

Điều 30. Rút khoản tiền ký quỹ

1. Trong trường hợp Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp cho doanh nghiệp, doanh nghiệp có thể xuất trình văn bản từ chối của Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp cho ngân hàng nơi doanh nghiệp ký quỹ để thực hiện các thủ tục rút tiền ký quỹ.

2. Sau khi chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại Khoản 1 Điều 16 Nghị định này và đã hoàn thành các nghĩa vụ liên quan đến hoạt động bán hàng đa cấp đối với người tham gia bán hàng đa cấp, doanh nghiệp bán hàng đa cấp được quyền thực hiện các thủ tục để rút khoản tiền ký quỹ.

3. Bộ Công Thương quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục rút tiền ký quỹ.

Điều 31. Sử dụng khoản tiền ký quỹ

1. Khoản tiền ký quỹ được sử dụng khi đảm bảo các điều kiện sau:

a) Doanh nghiệp bán hàng đa cấp chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại Khoản 1 Điều 16 Nghị định này;

b) Doanh nghiệp bán hàng đa cấp không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ liên quan đến hoạt động bán hàng đa cấp đối với người tham gia bán hàng đa cấp và có quyết định, bản án có hiệu lực pháp luật của cơ quan có thẩm quyền về việc xử lý các tranh chấp giữa doanh nghiệp bán hàng đa cấp với người tham gia bán hàng đa cấp liên quan đến các nghĩa vụ đó.

2. Bộ Công Thương quy định trình tự, thủ tục sử dụng khoản tiền ký quỹ.

Chương VI

GIÁM SÁT VÀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG ĐA CẤP

Điều 32. Trách nhiệm của Bộ Công Thương

1. Bộ Công Thương chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động bán hàng đa cấp trong phạm vi cả nước.

2. Cơ quan Quản lý cạnh tranh thuộc Bộ Công Thương có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương trong các nội dung quản lý cụ thể sau đây:

a) Cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp;

b) Thu, quản lý và sử dụng phí, lệ phí cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật;

c) Thông báo việc cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tới các Sở Công Thương nơi doanh nghiệp tổ chức hoạt động bán hàng đa cấp;

d) Lưu trữ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp;

đ) Hướng dẫn, phối hợp với các Sở Công Thương và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác tiến hành kiểm tra, giám sát hoạt động bán hàng đa cấp;

e) Trực tiếp kiểm tra, giám sát hoạt động bán hàng đa cấp khi cần thiết; xử lý theo thẩm quyền hoặc thông báo, chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm quy định của pháp luật về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp;

g) Xây dựng và trình các cấp có thẩm quyền ban hành hoặc sửa đổi các văn bản pháp luật có liên quan đến việc bảo đảm trật tự trong tổ chức hoạt động bán hàng đa cấp, bảo vệ quyền lợi của người tham gia bán hàng đa cấp, người tiêu dùng và giữ ổn định kinh tế - xã hội;

h) Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Nghị định này.

Điều 33. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm quản lý nhà nước đối với hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương theo quy định tại Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Sở Công Thương giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong các hoạt động sau:

a) Thanh tra, kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương;

b) Xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý các vi phạm pháp luật về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật;

c) Báo cáo Bộ Công Thương về việc tiếp nhận hồ sơ thông báo hoạt động của doanh nghiệp bán hàng đa cấp tại địa phương theo quy định tại Điều 17 Nghị định này;

d) Báo cáo theo định kỳ hàng năm với Bộ Công Thương về kết quả kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp trên địa bàn;

đ) Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Nghị định này.

Điều 34. Xử lý vi phạm đối với doanh nghiệp bán hàng đa cấp, người tham gia bán hàng đa cấp

1. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp, người tham gia bán hàng đa cấp thực hiện các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật cạnh tranh và pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Trường hợp doanh nghiệp bán hàng đa cấp, người tham gia bán hàng đa cấp vi phạm quy định của Nghị định này gây thiệt hại đến lợi ích vật chất của tổ chức, cá nhân liên quan thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Điều 35. Thẩm quyền, thủ tục xử lý vi phạm bán hàng đa cấp

1. Thẩm quyền xử lý vi phạm đối với các hành vi vi phạm quy định trong Nghị định này được thực hiện theo quy định của pháp luật cạnh tranh và pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Thủ tục xử lý vi phạm đối với các hành vi vi phạm quy định trong Nghị định này được thực hiện theo quy định của pháp luật cạnh tranh và pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 36. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2014.

2. Giấy đăng ký tổ chức bán hàng đa cấp đã được cấp theo quy định tại Nghị định số 110/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2005 về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp có hiệu lực cho tới khi doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại Nghị định này nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

3. Nghị định này thay thế Nghị định số 110/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2005 về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp.

Điều 37. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Công Thương chịu trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn thực hiện Nghị định này.
2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (3b).KN *240*

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Tấn Dũng